

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Hoanh

2. Ông Vi Thanh Cầm

Căn cứ vào Điều 147, Điều 157, Điều 212 và Điều 213, 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 18, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 09/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc “: *“Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy GCN quyền sử dụng đất”*”.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lý Sinh M - Sinh năm 2001. *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Ngô Thị N - Sinh năm: 1981.

Bị đơn: Ông Hà Văn T - Sinh năm: 1968 và bà Trương Thị H - Sinh năm: 1967.

Cùng địa chỉ: Thôn B (Nay là thôn T), xã C, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh B. Địa chỉ: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh B. *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh

T. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Bế Ngọc T - Chuyên viên phòng Kinh tế xã C.

- Bà Ngô Thị N - Sinh năm: 1981.

- Ông Lý Sinh N - Sinh năm: 1978. *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Ngô Thị N.

Cùng địa chỉ: Thôn B (Nay là thôn T), xã C, tỉnh T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định ranh giới giữa thửa đất số 143, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 62, tờ bản đồ số 37 gồm các mốc B - C (Ranh giới theo GCN quyền sử dụng đất đã cấp). Địa chỉ các thửa đất: Thôn T, xã C, tỉnh T

2.2. Nguyên đơn được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 61,2m² được giới hạn bởi các mốc 10 - 11 - B - C - 10 nằm trong thửa đất số 143, tờ bản đồ số 37. Đã được UBND huyện B, tỉnh B (Trước sáp nhập) cấp GCN quyền sử dụng đất số GCNQSDĐ số BĐ 850439 ngày 21/5/2014.

2.3. Bị đơn không yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BĐ 850439 ngày 21/5/2014 do UBND huyện B, tỉnh B (Trước sáp nhập) cấp cho hộ ông Lý Sinh N và bà Ngô Thị N đối với thửa đất số 143, tờ bản đồ số 37, diện tích 687,5m², địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh B (Nay là thôn T, xã C, tỉnh T).

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo ranh giới các đương sự đã thỏa thuận.

(Diện tích đất tranh chấp được xác định theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/8/2025 có bản trích đo địa chính thửa đất kèm theo)

2.4. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn số tiền 15.000.000^d (Mười lăm triệu đồng).

2.5. Bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 8.000.000^d (Tám triệu đồng)

2.6. Việc thi hành án dân sự đối với số tiền chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

2.7. Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn tự nguyện chịu 3.400.000^d (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ.

Bị đơn tự nguyện chịu 6.000.000^đ (*Sáu triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do đó bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 6.000.000^đ (*Sáu triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

2.7. Về án phí:

Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 200.000^đ (*Hai trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000^đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh B (Trước sáp nhập)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kim Anh

Vi Thanh Cẩm

Lý Thị Thúy